TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-PT
Ngày 05-3-2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Nam và ông Bàn Văn Thế.
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Chí Dũng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 05 tháng 3 năm 2025, tại Phòng xét xử của Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2024/TLPT-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 89/2024/HNGĐ-ST, ngày 31 tháng 10 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2024/QĐ-PT, ngày 26 tháng 11 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 01/2025/QĐPT-HNGĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trịnh Ngọc D**, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn N, huyện NH, tỉnh T.
Chỗ ở hiện nay:Tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện NH, tỉnh T - Có mặt.
Bị đơn: Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn N, huyện NH, tỉnh T.
Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện NH, tỉnh T - Vắng mặt (chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Người làm chứng: - Chị **Ma Thị T**.
Địa chỉ: Tổ dân phố 14, thị trấn N, huyện NH, tỉnh T.
(chị Thủy có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
- Bà **Đinh Thị Bẩy**, sinh năm 1964.
Địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện NH, tỉnh T.
(bà Bẩy có mặt tại phiên tòa)
Người kháng cáo: Nguyên đơn anh **Trịnh Ngọc D**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Trịnh Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/02/2009, tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện NH, tỉnh T, hai gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H đi làm sớm, về muộn, thường xuyên uống rượu tiếp khách, bỏ bê gia đình và có quan hệ ngoại tình, nên để xảy ra tai tiếng không tốt, dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi, chửi nhau, anh đã khuyên can và dành cơ hội cho chị H sửa đổi, nhưng không thành. Do vậy, anh đã 02 lần làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Na Hang giải quyết, nhưng vì nghĩ đến các con, nên anh đã rút đơn khởi kiện.

Anh D xác định vợ chồng đã nhiều lần cãi chửi nhau, anh đã nói chuyện với gia đình chị H nhờ khuyên bảo, nhưng không thành. Anh thấy rằng việc chị H có nhiều nguồn dư luận xấu đã ảnh hưởng đến danh dự của anh, nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị H không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trầm trọng, kéo dài, nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con là cháu Trịnh Đức T, sinh ngày 03/8/2009 và cháu Trịnh Thị Mỹ N, sinh ngày 21/10/2014, hiện các cháu đang học phổ thông và sinh sống cùng vợ chồng anh một nhà. Khi vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Hội đồng xét xử giao cả 02 con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bị đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định về thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn như anh D trình bày là hoàn toàn đúng. Trước đây chị đi làm ở Tổ đo đạc huyện Na Hang, thuộc Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang. Đến tháng 4/2024, chị nghỉ làm việc để ở nhà nội trợ, hỗ trợ anh D kinh doanh, buôn bán theo yêu cầu của anh D. Việc anh D làm đơn xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn, vì chị cho rằng anh D trình bày với Tòa án là không đúng.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con như anh D trình bày là đúng thực tế, hiện cả 02 người con chung vẫn đang sống cùng chị và anh D. Nếu Tòa án giải quyết vợ chồng chị ly hôn, thì chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con là cháu Trịnh Đức T, sinh ngày 03/8/2009 và cháu Trịnh Thị Mỹ N, sinh ngày 21/10/2014; yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng/cháu.

Về tài sản chung: Chị trình bày vợ chồng chị có tài sản chung là đất ở tại Tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện NH, tỉnh T, có tổng diện tích là hơn 700m^2, chiều ngang đất bám mặt đường Quốc lộ là 33,3m. Trên diện tích đất này có nhà và quán, xưởng bán hàng. Nếu vợ chồng chị ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia cho chị ½ diện tích đất.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải, nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 89/2024/HNGĐ-ST, ngày 31 tháng 10 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, quyết định:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trịnh Ngọc D.

Tuyên xử: Bác yêu cầu xin ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn của anh Trịnh Ngọc D.

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/11/2024 Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Trịnh Ngọc D. Ngày 26/02/2025 Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang nhận được đơn sửa đổi đơn kháng cáo của anh D. Anh D kháng cáo bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 89/2024/HNGĐ-ST, ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết phúc thẩm cho anh được ly hôn với chị H. Khi ly hôn đề nghị giao 02 người con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn chị Hoàng Thị H trình bày tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt phúc thẩm:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi không nhất trí ly hôn với anh Trịnh Ngọc D, vì tôi cho rằng trong đơn anh D trình bày không đúng sự thật về tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn giữa tôi và anh D chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt, bình thường như các cặp vợ chồng khác. Cuộc sống chung giữa tôi và anh D cho đến thời điểm hiện tại vẫn diễn ra bình thường, vẫn ăn uống, sống cùng nhau và cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng các con, tôi ở nhà nội chợ và hỗ trợ anh D kinh doanh, buôn bán, nên tôi cho rằng cuộc sống hôn nhân của chúng tôi vẫn bình thường, chưa tới mức độ trầm trọng như anh D trình bày.

- Về con chung: Tôi và anh D có 02 con chung là cháu Trịnh Đức T, sinh ngày 03/8/2009 và cháu Trịnh Thị Mỹ N, sinh ngày 21/10/2014, hiện các cháu vẫn đang sống cùng tôi và anh D. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi ly hôn thì tôi xin trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/tháng/cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Như tôi đã trình bày đầy đủ tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai với Tòa án, nay tôi vẫn giữ nguyên ý kiến đề nghị Tòa án giải quyết.

Người làm chứng là chị Ma Thị T trình bày có lưu trong hồ sơ vụ án: Tôi không có quan hệ gì với anh Trịnh Ngọc D và chị Hoàng Thị H. Về tình cảm vợ chồng tôi chỉ biết chị H anh D vẫn ở cùng một nhà, cùng buôn bán ga tại Tổ dân phố 13, thị trấn N, huyện NH, tỉnh T. Tôi không biết, không chứng kiến việc chị H ngoại tình với người khác.

Người làm chứng là bà Đinh Thị Bẩy trình bày có lưu trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm: Tôi là hàng xóm với anh Trịnh Ngọc D và chị Hoàng Thị H. Về tình cảm vợ chồng anh D chị H, tôi chỉ nghe người khác nói chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, chứ cụ thể chị H ngoại tình như nào tôi không biết. Tôi không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc chị H ngoại tình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh D và chị H tại tổ dân phố 13, thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, nơi anh D và chị H đang cư trú, cũng như tiến hành lấy ý kiến của ông Quang (là bố đẻ anh D), bà Thái (là mẹ đẻ chị H), ý kiến của anh Lương (là người làm công cho anh D, có thời gian làm việc tại nhà anh D mỗi ngày từ 07 giờ đến 19 giờ mới nghỉ làm), được biết kể từ khi anh D làm đơn xin ly hôn chị H cho đến nay, anh D và chị H vẫn duy trì cuộc sống chung của vợ chồng, không sống ly thân. Từ tháng 4/2024 chị H nghỉ công việc ở tổ đo đạc huyện Na Hang theo yêu cầu của anh D để ở nhà nội trợ và làm công việc gia đình. Bố đẻ anh D cũng như mẹ đẻ chị H là những người thân thiết nhất trong gia đình của anh, chị đều không biết việc mâu thuẫn của anh D, chị H. Tổ dân phố 13 nơi anh D, chị H cũng không nắm bắt được mâu thuẫn của vợ chồng anh và chưa tổ chức hòa giải lần nào.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

* Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Trịnh Ngọc D là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

* Về nội dung: Xét thấy các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên toà thấy rằng nguyên đơn anh Trịnh Ngọc D không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nội dung yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo là có căn cứ pháp luật theo quy định, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Trịnh Ngọc D; giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 89/2024/HNGĐ-ST, ngày 31 tháng 10 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

* Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên anh Trịnh Ngọc D phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 12/11/2024, nguyên đơn anh Trịnh Ngọc D có đơn kháng cáo đối với Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 89/2024/HNGĐ-ST, ngày 31/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Xét

thấy anh D là người có quyền kháng cáo bản án, việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật; người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định. Do vậy, đơn kháng cáo của anh D là hợp lệ, nên được chấp nhận để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo anh Trịnh Ngọc D về phần quan hệ hôn nhân: Anh D không nhất trí việc Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không chấp nhận việc anh được ly hôn với chị Hoàng Thị H và bác yêu cầu xin ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn của anh. Hội đồng xét xử thấy rằng anh Trịnh Ngọc D và chị Hoàng Thị H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/02/2009 tại UBND thị trấn Na Hang, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, hai gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ, do anh D nghi ngờ chị H có tình cảm với người khác, nên anh D có đơn xin ly hôn với chị H gửi Tòa án nhân dân huyện Na Hang giải quyết theo quy định. Quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã hòa giải cho hai bên, nhưng không thành. Anh D xin ly hôn, chị H không nhất trí ly hôn vì lý do từ khi kết hôn đến nay vợ chồng vẫn sinh sống một nhà, cùng nhau làm ăn kinh tế và nuôi dạy con cái bình thường; vợ chồng đôi khi có mâu thuẫn nhỏ xảy ra là do anh D nghi ngờ, ghen tuông chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác không có căn cứ. Ngoài ra vợ chồng không có mâu thuẫn gì khác. Bản thân chị xác định vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, kéo dài mà tình cảm vợ chồng vẫn còn, mục đích xây dựng hạnh phúc hôn nhân vẫn đạt được.

Việc anh D trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị H là do chị H khi còn đi làm, đi sớm về muộn, thường xuyên uống rượu tiếp khách, không chăm sóc con, bỏ bê công việc gia đình và để nhiều tai tiếng không tốt, anh và chị H đã cãi, chửi, đánh nhau nhiều lần. Hội đồng xét xử xét thấy đây chỉ là lời khai từ một phía, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm anh D trình bày việc chị H có dư luận xấu, anh cũng chỉ nghe mọi người bàn tán chứ không có chứng cứ cụ thể và anh cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Ngoài ra anh D xác định hàng năm các con vẫn lên lớp, học lực đều đạt danh hiệu học sinh giỏi, học sinh tiên tiến, nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận giải quyết cho anh D được ly hôn với chị H và không chấp nhận giao nuôi con chung khi ly hôn là có căn cứ theo quy định và phù hợp với thực tế. Tại Tòa án cấp phúc thẩm anh D cũng không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ pháp luật.

Từ những phân tích trên, thấy rằng yêu cầu kháng cáo của anh Trịnh Ngọc D là không có căn cứ. Việc anh D yêu cầu giải quyết được ly hôn với chị H và giao nuôi con chung khi ly hôn là không có căn cứ pháp lý và không phù hợp với thực tế, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận. Do vậy, cần giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, như đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung khác của bản án sơ thẩm: Do các đương sự không có kháng cáo, nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên anh Trịnh Ngọc D phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Trịnh Ngọc D, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 89/2024/HNGĐ-ST, ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang, như sau:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trịnh Ngọc D.

Tuyên xử: Bác yêu cầu xin ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn của anh Trịnh Ngọc D.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trịnh Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu: BLTU/23; Số: 0000894, ngày 19/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Anh Trịnh Ngọc D đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 05 tháng 3 năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại HN;
- VKSND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND tỉnh TQ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Nam **Bàn Văn Thế** **Trần Anh Tuấn**